

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/DS-PT
Ngày: 18-6-2018
V/v tranh chấp di sản thừa
kế, hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và đòi
lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

Ông Ngô Đê

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp về di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956;

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 8/6/2018 và ngày 15/6/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H: Luật sư Nguyễn Thành L là Luật sư cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956;

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1979;

2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985;

3. Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1981;

Người đại diện hợp pháp cho anh Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Thu L: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958. Cùng Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 5/6/2018)

4. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1953;

5. Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1970;

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972;

7. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975;

8. Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1982;

9. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Tuấn K: Bà Phạm Thị Ngọc S, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2017).

10. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L là các nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/10/2017 và lời khai của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Cụ Nguyễn Văn P (chết ngày 21/02/1998) và cụ Nguyễn Thị C (chết ngày 10/10/2017) chung sống với nhau có 06 người con gồm: Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 1998). Ông Nguyễn Văn Đ có vợ là bà Nguyễn Thị H2, các con gồm anh Nguyễn Văn P1, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Tuấn K và chị Nguyễn Thị Ngọc A. Cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C không có con riêng và con nuôi.

Lúc còn sống cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C có chia đất cho các con. Riêng diện tích đất 4.051,1m² đất vườn, tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh hai cụ để dưỡng già không có chia mà để chung sống với ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N. Trong quá trình sử dụng đất bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H đã bán đất cho các hộ dân khác chỉ còn lại 2.648,4m² và một căn nhà cấp 4. Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C chết để lại là căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 2.648,4m², thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh thành 06 phần bằng nhau mỗi người gồm: Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Đ được hưởng diện tích bằng 441,4m².

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 04/7/2017 và lời khai của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N là bị đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn H là chồng của bà Nguyễn Thị N và là con rể của cụ Nguyễn Văn P (chết năm 1998) và cụ Nguyễn Thị C (chết ngày 10/10/2017), ông cưới bà Nguyễn Thị N vào năm 1976 về ở rể sống chung với cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C trên đất tranh chấp và được cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C cho đất tranh chấp sử dụng cho đến nay và hộ gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C không có hộ khẩu với vợ chồng ông mà có hộ khẩu ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Diện tích đất 4.051,1m² trong quá trình sử dụng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N có chuyển nhượng cho một số hộ nên diện tích còn lại 2.648,4m², căn nhà cấp 04 do vợ chồng ông cất vào năm 2005. Phần nhà và đất nêu trên không phải là di sản của cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C nên ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N không đồng ý chia thừa kế và yêu cầu nguyên đơn trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.851,1m² thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc ấp

Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo lời khai bà Phạm Thị Ngọc S là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn P1, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Tuấn K trình bày:

Bà là dâu của bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Văn Đ. Về mối quan hệ bên chồng bà thống nhất như nguyên đơn trình bày. Lúc cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C còn sống có cho ông Nguyễn Văn Đ 04 công đất ruộng. Sau khi cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C chết có để lại thừa đất số 94 do ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N quản lý và các nguyên đơn tranh chấp yêu cầu chia thừa kế. Nay bà đại diện ủy quyền của vợ và các con ông Nguyễn Văn Đ, nếu Tòa án giải quyết diện tích đất tranh chấp và 01 căn nhà cấp 4 trên thừa đất 94 chia thừa kế cho các con cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C thì bà đồng ý nhận 01 phần và giao lại cho vợ và các con ông Nguyễn Văn Đ hưởng.

- Theo lời khai của anh Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Thị H1 và chị Nguyễn Thị Thu L cùng trình bày:

Anh, chị là con của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N do anh, chị là thành viên trong hộ ông Nguyễn Văn H anh, chị không có công sức đóng góp đối với thừa đất đang tranh chấp. Nay anh, chị không có tranh chấp và thống nhất để cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N giải quyết với các nguyên đơn.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện T do ông Trần Hoàng K, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm đại diện: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các nguyên đơn gồm ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L. Ủy ban không có ý kiến đề nghị Tòa án xác minh, thu thập thông tin, chứng cứ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DSST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị L yêu cầu chia thừa kế diện tích 2.648,4m² và 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 134,55m² thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Nguyễn Văn H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 952472 diện tích 2.851,1m² (Diện tích còn lại 2.648,4m²) thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh mà Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N buộc ông Nguyễn Văn V trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 952472 diện tích 2.851,1m² (Diện tích còn lại 2.648,4m²) thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất

tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N.

Ngày 27/3/2018 ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L là các nguyên đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H: Diện tích 2.648,4m² đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn H chỉ đại diện đứng tên quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H là không đúng pháp luật. Trước đây bà Nguyễn Thị N cũng đồng ý chia cho bên nguyên đơn 01 nền nhà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Các nguyên đơn kháng cáo cho rằng căn nhà cấp 4 và diện tích 2.648,4m² là của cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C chết để lại nên yêu cầu chia thừa kế. Qua thu thập chứng cứ các lần đăng ký kê khai cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C không có đăng ký kê khai, ông bà cũng không phải thành viên trong hộ gia đình của ông Nguyễn Văn H vào thời điểm hộ ông Nguyễn Văn H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phía bị đơn cho rằng đất được cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C cho riêng còn căn nhà do ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N cất năm 2005 nên không phải di sản thừa kế. Các nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh nhà đất của cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, luật sư và kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 134,55m² cất trên diện tích 2.648,4m², thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Nguyễn Văn H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N khai diện tích đất trên ông bà đã được cụ Nguyễn Văn H và cụ Nguyễn Thị N cho riêng từ năm 1983, còn căn nhà là của ông bà xây dựng năm 2005 nên không phải là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn

P và cụ Nguyễn Thị C để lại. Khi còn sống thì hai cụ đã chia đất và tài sản cho các con hết.

Qua cung cấp thông tin về thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T thể hiện phần đất trên qua 02 lần kê khai đăng ký theo tư liệu địa chính năm 1983 và tư liệu địa chính năm 1991 đều do ông Nguyễn Văn H đại diện hộ gia đình đứng tên kê khai đăng ký đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991 diện tích 2.648,4m², thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tại Công văn số: 1733/UBND-NC ngày 29/9/2017 và Công văn số: 61/UBND-NC ngày 10/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C không có tên trong hộ khẩu của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N. Cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C không được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C không được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật về đất đai được quy định tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Hơn nữa sau khi ông Nguyễn Văn H được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Nguyễn Văn H thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ Nguyễn Thị T1 diện tích 1.000m², bà Nguyễn Thị T2 diện tích 102m² và bà Kim Thị H diện tích 102m² theo Quyết định hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo, việc thực hiện chuyển nhượng đều được Nhà nước chứng nhận, phía nguyên đơn không ngăn cản hay tranh chấp phần đất nêu trên. Đối với căn nhà các đương sự đều khai căn nhà của bà Chiến đã hư hỏng năm 2005 vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N đã tháo dỡ ra cất lại nhà mới như hiện nay. Lúc tháo dỡ nhà cất lại mới cụ Nguyễn Thị C còn sống cũng không phản đối, các thừa kế của cụ Nguyễn Văn P cũng không ngăn cản. Trên đất hiện nay không còn di sản nào là của cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C chết để lại.

Các nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh diện tích 2.648,4m² và 01 căn nhà cấp 4 là di sản của cụ Nguyễn Văn P, cụ Nguyễn Thị C để lại. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L.

[2] Đối với việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N buộc các nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.648,4m² thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Theo quy định khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.

Theo quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được coi là quyền tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo hướng dẫn của Công văn 141/TANDTC - KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn để giải quyết là không đúng nghĩ nên sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 612, 613, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị L yêu cầu chia thừa kế diện tích 2.648,4m² và 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 134,55m² thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N buộc ông Nguyễn Văn V trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 952472 diện tích 2.851,1m² thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Lý do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 300.0000 đồng. Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 0018392, 0015393, 0015394, 0015395 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T nên miễn trừ. Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thành Trung